

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**
Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05-02-2021
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Bích**.

2. Bà **Dương Thị Ninh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21/7/2020 về việc “*Kiến nghị tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1983.

+ Bị đơn: Anh Đặng Quang T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;
Anh T có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Quang T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/9/2003 tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến khoảng giữa năm 2019 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh T không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau. Từ đó dẫn đến tình

cảm vợ chồng không hòa hợp nhau, không ai quan tâm và chăm sóc nhau. Thực tế chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay, chị và các con đã đi làm thuê tại thành phố Hà Nội ít khi về thăm nhà, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Quang T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Đặng Quang T có 02 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004. Khi ly hôn, chị xác định đối với con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 14/7/2002 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004. Chị không yêu cầu anh Đặng Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Đặng Quang T tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Chị và anh Đặng Quang T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị N vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, về con chung và các nội dung khác như đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

*** Tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Quang T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cao Thị N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/9/2003 tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến khoảng giữa năm 2019 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh và chị N không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con cái; anh và chị N thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hòa hợp nhau, không ai quan tâm và chăm sóc nhau. Thực tế anh và chị N đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay, chị N và các con đã đi làm thuê tại thành phố Hà Nội ít khi về thăm nhà, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị N, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị N đã quá căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị N làm đơn ly hôn, anh nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Cao Thị N có 02 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004. Khi ly hôn, anh xác định đối với con chung là cháu Đặng Thị H đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh nhất trí để chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Quang T. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Cao Thị N tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Anh và chị Cao Thị N không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đặng Quang T (là con chung của chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T). Cháu Đặng Quang T xác định: Nếu bố mẹ cháu giải quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là Cao Thị N. Việc cháu mong muốn ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Tại Biên bản xác minh đối với Bí thư thôn B, xã P, huyện H cung cấp thông tin như sau: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T hạnh phúc bình thường, đến khoảng tháng 4/2019 thì xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng trầm trọng. Chị N đã báo cáo sự việc nhờ thôn giải quyết, đại diện thôn B, xã P đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục, không đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái được. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Cao Thị N cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Bản sao Trích lục kết hôn; 02 Giấy chứng minh nhân dân là bản sao chứng thực; 01 Sổ hộ khẩu là bản sao chứng thực; 02 Bản sao Trích lục khai sinh.

- Bị đơn anh Đặng Quang T cung cấp cho Tòa án: Không có.

Ngoài ra, các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Đặng Quang T đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh T đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái được. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Kiện tranh hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

* Về việc giải quyết nội dung vụ án: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị N với anh Đặng Văn T.

- Về con chung:

Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T cùng xác định: Đối với con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 14/7/2002 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N. Anh Đặng Quang T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Cao Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Anh Đặng Quang T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Cao Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Quang T nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đặng Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T kết hôn với nhau ngày 26/9/2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, không tôn trọng

nhau. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã căng thẳng trầm trọng, đại diện thôn B, xã P, huyện H cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng giữa anh chị vẫn không hàn gắn được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn (theo nội dung xác minh của Bí thư thôn B, xã P cung cấp). Thực tế chị N và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2019 đến nay, cả anh chị đều thừa nhận và xác định trong khoảng thời gian sống ly thân không an quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh T cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N, chị N làm đơn ly hôn anh T nhất trí thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị N với anh Đặng Quang T là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T có 02 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004.

Đối với con chung là cháu Đặng Thị H: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T đều xác định đối với con chung là cháu Đặng Thị H đã đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lực được nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Ly hôn chị Cao Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đặng Quang T đến khi trưởng thành và chị không yêu cầu anh Đặng Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Anh T cũng nhất trí để chị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đặng Quang T đến khi trưởng thành và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Đặng Quang T và ý kiến của chị Cao Thị N, anh Đặng Quang T, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị Cao Thị N không yêu cầu anh Đặng Quang T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T xác định vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về vay nợ chung: Chị Cao Thị N và anh Đặng Quang T xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí:

+ Chị Cao Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Anh Đặng Quang T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị N với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Quang T, sinh ngày 04/6/2004 cho chị Cao Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị N. Anh Đặng Quang T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002159 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Cao Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Đặng Quang Thắng không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Quang T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/02/2021); Chị Cao Thị Nụ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Phù Lưu (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng